

Bản án số: 30/2025/HS-ST

Ngày: 20/5/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Bản.

- Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Tuấn Dũng;
2. Ông Hoàng Minh Đức.

- Thư ký phiên toà: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Bùi Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại Hội trường xét xử Toà án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2025/TLST - HS ngày 07 tháng 3 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị H - sinh ngày 20/8/1982; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: Tổ G, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Văn hoá lớp: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Trần Văn C - sinh năm 1946; Con bà: Trương Thị T - sinh năm 1946; Gia đình có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; Chồng: Đồng Huy H1 - sinh năm 1963; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/5/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh T.

(Có mặt)

Người bào chữa cho các bị cáo:

1, Luật sư Nguyễn Thị T1 – Văn phòng L, thuộc đoàn luật sư tỉnh T. (Do đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên cử).

(Có mặt)

2, Luật sư Lưu Bình D – Văn phòng L1, thuộc đoàn luật sư tỉnh T. (Do gia đình bị cáo mời).

(Có mặt)

Bị hại: Chị Hoàng Thị C1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đồng Huy H1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ G, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Nguyễn Trung H2, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ F, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

4. Bà Đặng Thị T2, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

5. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

6. Anh Trần Duy H3, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm H, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

7. Bà Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ G, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

8. Bà Hoàng Thị Â, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt bà Hoàng Thị Â còn tất cả những người làm chứng khác đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Thị H là chủ của quán “Spa Thu H5” ở tổ G phường P, thành phố T. Quá trình mở quán S có chị Hoàng Thị C1 (sinh năm 1978, trú tại: tổ B, phường Đ, thành phố T) đến để làm đẹp theo liệu trình. Do nợ nần và biết chị C1 có tiền để trong xe ô tô nên H5 đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị C1. Thực hiện ý định trên vào các ngày 10, 11 và ngày 12/5/2024 H5 đã lấy trộm tiền của chị C1. Cụ thể:

* *Lần thứ nhất:* Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/5/2024, chị C1 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Lexus ES250, BKS: 20A-226.99 đến quán Spa của H5 để làm liệu trình giảm béo. Chị C1 đỗ xe tại rìa đường sát cổng quán của H5. Khi vào,

H5 sắp xếp cho chị C1 làm liệu trình tại phòng giảm béo tại tầng 2 do chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1979, trú tại: tổ A, phường Đ, thành phố T) và chị Trần Thị B (sinh năm 1970, trú tại: xóm L, xã H, huyện Đ) thực hiện. Lợi dụng sơ hở, không ai để ý nên H5 đã lấy trộm chìa khoá xe ô tô của chị C1 trong ví da để tại giường bên cạnh rồi đi ra xe ô tô. H5 mở cửa phía trước bên trái của xe ô tô thì nhìn thấy tại ghế phía trước bên phải của xe có 01 túi xách, loại túi da, màu nâu. H5 đứng bên ngoài với tay vào mở túi xách ra thấy có 01 bọc giấy màu trắng bên trong có 03 tập tiền đều có mệnh giá 500.000 đồng, trong túi xách màu nâu có 01 chiếc ví da cầm tay màu đỏ bên trong có loại tiền mệnh giá 500.000 đồng. Tổng số tiền H5 trộm cắp của chị C1 là **156.000.000đ**

* *Lần thứ hai:* Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 11/5/2024, chị C1 tiếp tục điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Lexus ES250, BKS: 20A-226.99 đến quán Spa của H5 để tiếp tục làm liệu trình giảm béo, đến nơi chị C1 đỗ xe tại rìa đường bên phải hướng đi khu dân cư, cách cổng quán “Spa Thu H5” 15m, rồi đi lên tầng hai làm liệu trình. H5 tiếp tục sắp xếp chị N và chị B làm liệu trình giảm béo cho chị C1. Trong lúc chị C1 làm liệu trình, lợi dụng lúc không ai để ý, H5 lấy trộm chìa khoá xe ô tô của chị C1 trong ví tại giường bên cạnh xuống đi đến vị trí chị C1 đỗ xe ô tô mở cửa phía trước bên trái xe ô tô thì nhìn thấy tại ghế và sàn xe ô tô phía trước bên phải có 01 chiếc túi xách da màu nâu đen và 01 chiếc túi xách da màu đỏ không khóa. H5 ngồi tại ghế phía trước bên trái của xe với tay mở chiếc túi xách màu đỏ để tại vị trí sàn để chân phía trước bên phải thấy bên trong túi xách có 01 túi bóng màu đỏ của cửa ngân hàng A và 01 túi bóng màu trắng có đựng nhiều tiền mặt. Ngoài ra, túi xách màu đỏ còn có 08 tập tiền có mệnh giá 500.000 đồng và một bao lì xì màu đỏ bên trong có để 19.000.000 đồng. Sau đó, H5 đã lấy trộm 03 tập tiền mệnh giá 500.000 đồng bên trong túi bóng màu đỏ và 02 tập tiền mệnh giá 500.000 đồng bên trong túi bóng màu trắng, 02 tập tiền trong túi xách màu đỏ, 19.000.000 đồng tại bao lì xì màu đỏ. Tổng số tiền H5 trộm cắp của chị C1 là **369.000.000 đồng**

* *Lần thứ ba:* Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 12/5/2024, chị C1 một mình điều khiển xe ô tô đến cửa hàng Spa của H5 để làm liệu trình giảm mỡ bụng. Đến nơi chị C1 đỗ xe tại rìa đường bên phải đối diện cửa quán, đi vào gặp H5 thì được H5 sắp xếp làm đẹp tại phòng tầng 2 của quán, tại đây có chị N và chị B là nhân viên của H5 thao tác và tiến hành liệu trình giảm mỡ bụng cho chị C1. Một lúc sau, nhân lúc chị C1 đang làm liệu trình và không ai để ý, H5 đi vào phòng lấy trộm chìa khoá ô tô của chị C1 để trong túi ở ghế rồi đi ra khu vực chị C1 đỗ xe. Khi thấy xe ô tô của chị C1 đỗ ở rìa đường, H5 ấn mở khoá rồi đi ra phía cửa bên lái mở cửa đứng bên ngoài với tay vào chiếc túi xách đang ở ghế trước bên phải của xe. Khi mở ra, H5 thấy bên trong có nhiều tập tiền đều có mệnh giá

500.000 đồng, H5 lấy trộm được 03 tập tiền có mệnh giá 500.000 đồng. Tổng số tiền H5 trộm cắp của chị C1 là **141.000.000đồng** Sau khi lấy trộm được tiền thì H5 đã mang số tiền lấy trộm được vào trong nhà cất giấu.

Phát hiện bị mất trộm tài sản chị C1 đã làm đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố T. Sau khi tiếp nhận tin báo, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và làm việc với Trần Thị H, thì H đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình và tự giác giao nộp số tiền 141.000.000 đồng là vật chứng của vụ án.

Quá trình điều tra chị Phạm Thị Hồng T4 và anh Hà Mậu Q, trú tại: Tổ G, phường P, thành phố T cung cấp cho Cơ quan điều tra 03 đoạn video do camera an ninh của gia đình ghi nhận lại được, tiến hành cho Trần Thị H nhận dạng hình ảnh người trong các đoạn video nêu trên, bị cáo H xác định:

+ Đoạn video 1: Có nội dung hồi 10 giờ 50 phút 22 giây ngày 10/5/2024, Trần Thị H mặc áo phông màu trắng cộc tay không cổ, mặc quần gió dài màu đen, đi dép lê. H tiếp cận chiếc xe ô tô màu trắng của chị Hoàng Thị C1 đỗ sát cổng nhà mình để lấy trộm tiền trong xe ô tô.

+ Đoạn video 2: Có thời gian ghi nhận trên màn hình camera từ 19 giờ 57 phút 22 giây đến 20 giờ 00 phút ngày 11/5/2024 (*Thời gian ghi nhận trên màn hình camera nhanh hơn so với thời gian thực tế là 01 giờ 05 phút*):

Vào hồi 19 giờ 57 phút 58 giây, H mặc áo phông cộc tay không cổ màu trắng, mặc quần soóc màu trắng đang tiếp cận xe ô tô của chị C1.

Vào hồi 19 giờ 58 phút 03 giây, H mở xe ô tô để lấy trộm tiền.

Từ hồi 19 giờ 58 phút 03 giây đến 19 giờ 59 phút 38 giây là thời gian Trần Thị H đang lấy trộm tiền trong xe ô tô của chị C1. Sau khi lấy trộm được tiền H khóa xe rồi đi vào trong nhà.

+ Đoạn video 3: Có thời gian ghi nhận trên màn hình camera từ 19 giờ 31 phút 06 giây đến 19 giờ 32 phút 43 giây ngày 12/5/2024 (*Thời gian ghi nhận trên màn hình camera nhanh hơn so với thời gian thực tế là 01 giờ 05 phút*).

Vào hồi 19 giờ 31 phút ngày 25 giây, H mặc áo phông cộc tay không cổ màu trắng, mặc quần soóc tối màu, đi dép lê tiếp cận xe ô tô của chị C1.

Vào hồi 19 giờ 31 phút 36 giây, H mở cửa xe ô tô phía trước bên phải của xe ô tô và bước vào xe ô tô.

Từ hồi 19 giờ 31 phút 36 giây đến 19 giờ 32 phút 17 giây là thời gian H ngồi trong xe ô tô của chị C1 và lấy trộm tiền của chị C1.

Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng: Sao kê tài khoản ngân hàng số 9704229213562288 của Ngân hàng TMCP Q1 (Viettel Pay) mang tên Trần Thị H:

Từ 17 giờ 13 phút 42 giây đến 17 giờ 17 phút 43 giây ngày 10/5/2024, H thực hiện 03 lần nạp tiền vào tài khoản 9704229213562288 với tổng số tiền là 129.675.000 đồng.

Từ 17 giờ 30 phút 53 giây đến 17 giờ 32 phút 54 giây ngày 10/5/2024, H chuyển tiền từ tài khoản số 9704229213562288 (V) của H đến tài khoản 39010002458228 tại ngân hàng B1 của Trần Thị H tổng số tiền 129.104.000 đồng.

Từ 20 giờ 20 phút 46 giây đến 20 giờ 22 phút 35 giây ngày 11/5/2024, Trần Thị H thực hiện 04 lần nạp tiền vào tài khoản số 9704229213562288 với tổng số tiền là 200.000.000 đồng.

20 giờ 50 phút 28 giây ngày 11/5/2024, H chuyển số tiền 50.050.000 đồng từ tài khoản số 9704229213562288 của Trần Thị H đến tài khoản số 19033654635011 của ngân hàng T6 mang tên Lê Ngọc H6, sinh năm: 1981, trú tại: C N, phường D, TP L, tỉnh Lào Cai.

21 giờ 39 phút 07 giây ngày 11/5/2024, H chuyển số tiền 20.020.000 đồng từ tài khoản số 9704229213562288 của Trần Thị H đến tài khoản số 0900147099003 của ngân hàng MB mang tên Nguyễn Thị T3, sinh năm 1985, trú tại: tổ A, phường T, thành phố T.

Ngoài ra, từ 08 giờ 54 phút 28 giây đến 17 giờ 22 phút 11 giây ngày 12/5/2024, Trần Thị H chuyển tiền đến nhiều tài khoản khác nhau với tổng số tiền là 35.465.430 đồng. Số dư tài khoản còn lại: 95.184.370 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số tiền 95.184.370 đồng trong tài khoản số 9704229213562288 tại Ngân hàng TMCP Q1 (MB) của Trần Thị H.

Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng: Tài khoản 39010002458228 của Ngân hàng B1 mang tên Trần Thị H.

Từ 17 giờ 31 đến 17 giờ 32 phút 59 giây ngày 10/5/2024, Trần Thị H chuyển tiền từ tài khoản 9704229213562288 đến tài khoản 39010002458228, tổng số tiền 129.000.000 đồng.

Ngoài ra, Trần Thị H còn chuyển nhiều lần tiền với các mã chuyển tiền khác nhau. Trong đó, có mã chuyển tiền vào lúc 20 giờ 35 phút 07 giây ngày 10/5/2024, Trần Thị H chuyển số tiền 73.000.000 đồng đến tài khoản số 19033654635011 của ngân hàng T6 mang tên Lê Ngọc H6. Số dư tài khoản còn lại: 866.572 đồng.

Về phần dân sự: Ngày 15/5/2024 cơ quan điều tra đã trả lại chị C1 141.000.000đ số tiền mà bị cáo đã nộp lại cho cơ quan điều tra.

Chị Hoàng Thị C1 yêu cầu bị cáo H phải hoàn trả lại số tiền đã trộm cắp trong ngày 10/5/2024 và 11/5/2024 số tiền là 525.000.000 đồng và số tiền 9.000.000 đồng trộm cắp ngày 12/5/2024 còn thiếu chưa nộp lại hết cho cơ quan điều tra;

Ngày 14/5/2024, ông Đồng Huy H1 (chồng bị cáo H) giao nộp số tiền 500.000.000đ cho cơ quan điều tra mục đích để khắc phục hậu quả cho bị cáo; Ngày 17/7/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 16.500.000đ cho ông H1 số tiền còn lại cơ quan điều tra tạm giữ của ông H1 là 483.500.000 đồng. Đến ngày 10/10/2024 ông H1 có văn bản trình bày sự việc gửi đến cơ quan CSĐT Công an tỉnh T thể hiện quan điểm tự nguyện nộp thay H số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả và đề nghị cho xin lại số tiền 433.500.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Đồng Huy H1 tự nguyện nộp thay bị cáo số tiền còn lại mà bị cáo chưa khắc phục: Cụ thể tại đơn Đề nghị ông H1 tự nguyện nộp thay bị cáo toàn bộ số tiền mà bị cáo đã phạm tội; bị cáo và bị hại bà Hoàng Thị C1 đồng ý.

Vật chứng vụ án: Số tiền 483.500.000đ do ông Đồng Huy H1 giao nộp. Hiện đang lưu giữ theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 15/CT - VKSTN- P2, ngày 06/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Trần Thị H về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Phân luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Trần Thị H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo từ **08** đến **09** năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án được trừ đi thời hạn tạm giam của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý thay bị cáo trả lại cho bị hại toàn bộ số tiền mà bị cáo đã trộm cắp được bị hại đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận.

Bị cáo: Không có tranh luận

Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Nguyễn Thị T1: Xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là có căn cứ; Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử trước khi quyết định hình phạt xem xét đến nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, con còn nhỏ, chồng bệnh tật, bị cáo đã tự thú đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Luật sư Lưu Bình D: Cơ bản đồng ý với quan điểm của vị luật sư đồng nghiệp; đề nghị Hội đồng xét xử lưu ý đến tình tiết bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền trộm cắp vào ngày 12/5/2024 khi chưa bị phát hiện.

Bị cáo nhất trí quan điểm bào chữa của hai vị Luật sư không bổ sung nội dung nào khác.

Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sau khi đối đáp giữ nguyên quan điểm truy tố.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin hưởng mức án thấp nhất và có lời xin lỗi tới người bị hại cũng như gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Mặc dù trong giai đoạn điều tra truy tố bị cáo luôn thay đổi lời khai về việc số tiền trong các ngày trộm cắp; Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo xác định số tiền bị cáo đã trộm cắp trong các ngày đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do nợ nần, biết chị Hoàng Thị C1 là người để nhiều tiền trên xe ô tô, lợi dụng sơ hở trong quá trình làm đẹp tại “Spa Thu Hiền” do mình quản lý trong các ngày 10/5/2024, 11/5/2024 và ngày 12/5/2024 Trần Thị H đã lén lút lấy chìa khoá xe ô tô của chị C1, mở khoá trộm cắp tài sản (Tiền) để trong xe ô tô nhãn hiệu Lexus ES250, BKS: 20A-226.99. Tổng số tiền 3 lần H trộm cắp là 666.000.000đ.

Như vậy Hội đồng xét xử xác định hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật quy định:

Điều 173. Tội Trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm

2....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm

a, Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên”

[3]. Xét tính chất vụ án và vai trò của bị cáo thấy: Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự trong quá trình điều tra mặc dù còn khai báo lòng vòng về tổng số tiền chiếm đoạt tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã ăn năn hối cải thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố; trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã phối hợp với gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả do tội phạm gây ra; Bố chồng của bị cáo Ông Đồng Huy X được tặng thưởng huân huy chương; Tại tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát thể hiện sự khoan hồng của pháp luật giúp bị cáo an tâm cải tạo sớm trở về với gia đình cộng đồng xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Hiện tại bị cáo còn nhỏ chồng bị bệnh không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Số tiền như bị hại khai bị mất 675.000.000 đồng là không có căn cứ; Xác định toàn bộ số tiền bị cáo trộm cắp của bị hại và

phải chịu trách nhiệm hình sự là 666.000.000 đồng; Ghi nhận bị hại đã nhận lại số tiền 141.000.000 đồng do cơ quan điều tra đã trao trả; số tiền còn lại 525.000.000 đồng; số tiền ông H1 đã nộp cơ quan điều tra 483.500.000 đồng nên số tiền tiếp tục hoàn trả cho bị hại là 41.500.000 đồng.

Do bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bị hại thỏa thuận với nhau về phần bồi thường tại phiên tòa nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền 41.500.000 đồng chưa bồi thường là 2.075.000đ.

Tại thời điểm số tiền của bị cáo tại tài khoản 9704229213562288 bị cơ quan điều tra đang phong tỏa là 95.184.370 đồng cần tiếp tục duy trì lệnh phong tỏa để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[6]. **Vật chứng vụ án:** Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Cần tạm giữ số tiền 483.500.000đ để bồi thường cho người bị hại.

[7]. **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo quy định.

[8]. **Quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

1.1. Bị cáo Trần Thị H **08** (T5) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 13/5/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự:

2.1. Ghi nhận chị Hoàng Thị C1 đã nhận lại số tiền 141.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu đồng) từ cơ quan điều tra.

2.2 Ghi nhận ông Đồng Huy H1 có trách nhiệm thay bị cáo bồi thường nốt số tiền 41.5000.000 (Bốn mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng cho người bị hại.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giữ số tiền 483.500.000 đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) để bồi thường cho người bị hại Hoàng Thị C1.

Số tiền theo ủy nhiệm chi số 24 ngày 31/7/2024 ở Kho bạc nhà nước T7.

4. Tiếp tục duy trì lệnh phong tỏa số tiền của bị cáo là 95.184.370 đồng (Chín mươi lăm triệu một trăm tám mươi tư nghìn ba trăm bảy mươi đồng) theo lệnh phong tỏa số 960/LPT-VPCQCSĐT ngày 12/11/2024 của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T đối với tài khoản số 9704229213562288 của Trần Thị H để đảm bảo thi hành án.

5. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.075.000 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Bản